

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hùng

2. Ông Trần Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1972

Nơi ĐKKH: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V

Nơi ở hiện nay: Tổ 22, phường Đ, thành phố L, tỉnh L, (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18/6/2020 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Lê Thị B trình bày: Bà và ông Nguyễn Minh T kết hôn ngày 05/8/1990, có tìm hiểu, có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lh. Kết hôn xong, bà về sống chung

cùng ông T ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T chơi bời, nghiện ma túy, nhiều lần đánh đập bà. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn ông T.

Con chung: Vợ chồng bà có 03 con chung là Nguyễn Thị Y, sinh năm 1990, Nguyễn Duy T, sinh năm 1992 và Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1994. Hiện nay cả ba cháu đã trưởng thành. Ly hôn, bà B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản chung: Bà B không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà B xác định không có gì và không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn là ông Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2020 ông T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn và thời gian ly thân như bà B trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến năm 2012, bà B nói với ông là bà về thành phố L để chăm sóc bố mẹ để đã già yếu và từ đó đến nay bà B không trở lại chung sống cùng ông, ông không rõ nguyên nhân vì sao. Nay ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, bà B xin ly hôn ông, ông nhất trí ly hôn.

Con chung: như bà B trình bày là đúng. Ly hôn, ông không đề nghị Tòa án giải quyết vì các con ông đã trưởng thành và đều đã có gia đình riêng.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Ông T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về việc tuân thủ các quy định tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà B được ly hôn ông T; con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết; án phí: bà B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của bà Lê Thị B và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án Hôn nhân và Gia đình là “Ly hôn”. Bị đơn trong vụ án là ông Nguyễn Minh T có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng ông T đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Minh T nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Lê Thị B và ông Nguyễn Minh T là cuộc hôn nhân tiến bộ, hợp pháp, được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, do trong cuộc sống hàng ngày vợ chồng không quan tâm, yêu thương, chăm sóc và bảo ban được nhau, nên đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Bà B xin ly hôn, ông T nhất trí ly hôn.

Xét mâu thuẫn của vợ chồng bà B và ông T đã trầm trọng, các bên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng và làm cho cuộc hôn nhân không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc bà B xin ly hôn ông T là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án;

[1] Về Hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị B được ly hôn ông Nguyễn Minh T.

[2] Án phí: Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0007777 ngày 26/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Bà B đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- UBND xã T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Nga